# TIÊU CHUẨN CHĂN NUÔI

# VIETFARM G.A.P

**Tiêu chuẩn này được xây dựng bởi**

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP**

**Phát hành:**

**Mã số: VFS GLS02:2025**

Thời gian dự kiến rà soát lại: 2027

Gửi phản hồi: standards@VietFarm.org.vn

Bản quyền @2018-2025 thuộc về Trung tâm Phát triển và Hội nhập (Center for Development and Integration). Nghiêm cấm phát hành lại, lưu trữ hoặc chuyển thể lại hoặc bằng bất kỳ hình thức nào mà không làm rõ quyền sở hữu của tổ chức.

# LỜI GIỚI THIỆU

VietFarm là hệ thống tiêu chuẩn độc lập về nông nghiệp và sản phẩm nông sản, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Tiêu chuẩn được xây dựng phù hợp với điều kiện sản xuất của các hộ nông dân nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế về chất lượng và phát triển bền vững.

Bộ tiêu chuẩn VietFarm được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia về quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt và yêu cầu kỹ thuật của thị trường quốc tế và khu vực. Bộ tiêu chuẩn VietFarm là biện pháp thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải và phát triển bền vững.

Tiêu chuẩn VietFarm được xây dựng và quản trị bởi Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI – một tổ chức khoa học công nghệ) với vai trò tư vấn kỹ thuật của Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Công Bằng Xanh (GFT), Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (VSQI), Tổ chức VECTRA INTERNATIONAL từ năm 2018.

Hệ sinh thái VietFarm bao gồm Hội đồng Tiêu chuẩn VietFarm, với các đơn vị sáng lập, các chuyên gia, các nhà khoa học, viện nghiên cứu, hiệp hội ngành nghề có vai trò tư vấn và giám sát hệ thống tiêu chuẩn VietFarm. Ngoài ra còn có các tổ chức kiểm định, đánh giá, xác nhận độc lập về việc áp dụng tiêu chuẩn.

Bộ tiêu chuẩn VietFarm GAP – Chăn nuôi đã nhận được sự tham gia xây dựng, đóng góp tư vấn của Liên Danh Netzero bao gồm Trung tâm Phát triển và Hội nhập, Liên hiệp HTX Kinh tế số Việt Nam (VDECA), Viện Công nghệ xanh (GreenTech), Liên hiệp HTX Nông nghiệp bền vững VietFarm (VCASA), Công ty TNHH doanh nghiệp xã hội Dịch vụ VietFarm (VietFarm Services). Dự án phát triển nông nghiệp bền vững và tiêu chuẩn VietFarm tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Cơ quan Viện trợ Ireland tại Việt Nam (Irish Aid).

# MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU ..... 3
MỤC LỤC ..... 4
MỤC TIÊU ..... 6
MỤC ĐÍCH ..... 6
PHẠM VI ÁP DỤNG ..... 6
THAM CHIẾU BỘ TIÊU CHUẨN VIETFARM – GEN ..... 7
PHẦN 1: YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI G.A.P ..... 7
1. Tài nguyên và môi trường ..... 7
2. Điều kiện trong sản xuất chăn nuôi an toàn ..... 8
3. Yêu cầu trong sản xuất chăn nuôi G.A.P ..... 9
4. Chuỗi phân phối và bán hàng ..... 9
5. Hệ thống quản lý chất lượng ..... 10
PHẦN 2: YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI G.A.P ..... 11
1. Tài nguyên và môi trường ..... 11
1.1 Quản lý đất và vị trí khu chăn nuôi ..... 11
1.2 Quản lý và sử dụng nước ..... 11
1.3 Bảo vệ đa dạng sinh học ..... 11
1.4 Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường ..... 12
2. Điều kiện trong sản xuất chăn nuôi an toàn ..... 12
2.1 Chuồng trại và điều kiện sống của vật nuôi ..... 12
2.2 Trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi ..... 13
2.3 An toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh ..... 13
2.4 Điều kiện làm việc, vệ sinh và an toàn lao động ..... 13
3. Yêu cầu trong sản xuất chăn nuôi G.A.P ..... 13
3.1 Con giống ..... 13
3.2 Thức ăn và dinh dưỡng ..... 14
3.3 Nước ..... 15

3.4 Phòng bệnh, chữa bệnh thú y ..... 15
3.5 Phúc lợi động vật ..... 16
4. Chuỗi phân phối và bán hàng ..... 17
4.1 Tính toàn vẹn sản phẩm trong chuỗi phân phối ..... 17
4.2 Vận chuyển và điều kiện bảo quản ..... 17
4.3 Ghi nhãn và thông tin sản phẩm ..... 17
4.4 Truy xuất nguồn gốc ..... 18
4.5 Yêu cầu đối với hệ thống bán hàng ..... 18
5. Hệ thống quản lý chất lượng ..... 18
5.1 Quy trình chăn nuôi và quản lý sản xuất ..... 18
5.2 Hệ thống ghi chép và lưu trữ hồ sơ ..... 18
5.3 Kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi cung ứng ..... 19
5.4 Đánh giá nội bộ và cải tiến liên tục ..... 19

# MỤC TIÊU

Mục tiêu của bộ tiêu chuẩn VietFarm G.A.P trong chăn nuôi là hướng dẫn các đơn vị sản xuất áp dụng thực hành chăn nuôi tốt, nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc minh bạch trong toàn bộ chuỗi sản xuất. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn thúc đẩy quản lý vật nuôi, thức ăn, chất thải và môi trường chăn nuôi một cách hiệu quả, hạn chế tối đa các rủi ro đối với sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường sinh thái, hướng tới mô hình chăn nuôi bền vững.

Thông qua việc áp dụng VietFarm G.A.P, các cơ sở chăn nuôi không chỉ củng cố uy tín về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và phúc lợi động vật, mà còn thể hiện cam kết tuân thủ các yêu cầu ESG ngày càng cao của thị trường. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận và mang nhãn VietFarm có khả năng tiếp cận tốt hơn thị trường trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp và tạo ra giá trị bền vững cho toàn bộ chuỗi chăn nuôi.

# MỤC ĐÍCH

Mục đích của các yêu cầu quản lý trong hoạt động chăn nuôi theo VietFarm G.A.P là xây dựng một hệ thống chăn nuôi an toàn, có kiểm soát và bền vững, trong đó đảm bảo sự hài hòa giữa vật nuôi – con người – môi trường – thị trường. Tiêu chuẩn đặt trọng tâm vào việc:

- Kiểm soát an toàn thực phẩm từ đầu vào đến đầu ra,
- Quản lý hiệu quả dịch bệnh, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi,
- Đảm bảo phúc lợi động vật,
- Giảm thiểu rủi ro sinh học, hóa học và vật lý trong toàn bộ chuỗi chăn nuôi.

Tiêu chuẩn thúc đẩy việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao khả năng kiểm soát mối nguy và truy xuất nguồn gốc. Thông qua quá trình chuẩn hóa từ con giống – nuôi dưỡng – thú y – vệ sinh chuồng trại – giết mổ – bảo quản – phân phối, VietFarm G.A.P tạo nền tảng cho chuỗi sản xuất chăn nuôi minh bạch, an toàn và đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

# PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn VietFarm G.A.P – Chăn nuôi được áp dụng cho tất cả các tổ chức và cá nhân tham gia vào chuỗi sản xuất sản phẩm chăn nuôi VietFarm, bao gồm: nông hộ, hợp tác xã, trang trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ – sơ chế – chế biến và các đơn vị phân phối.

Việc áp dụng tiêu chuẩn nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quản lý chăn nuôi, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, đồng thời thúc đẩy thực hành chăn nuôi bền vững trong toàn bộ chuỗi giá trị.

Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ các hoạt động trong chu trình sản xuất và cung ứng sản phẩm chăn nuôi, từ:

- Con giống,
- Thức ăn và nước uống,
- Quản lý chuồng trại,
- Phòng và trị bệnh,
- Thu hoạch – giết mổ – sơ chế – bảo quản,
- Vận chuyển, phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

# THAM CHIẾU BỘ TIÊU CHUẨN VIETFARM – GEN

Trồng trọt G.A.P cần tuân thủ việc áp dụng 10 nguyên tắc cốt lõi của Tiêu chuẩn VietFarm và 10 Tiêu chuẩn chung [tham chiếu: Bộ Tiêu chuẩn VietFarm: VFS GEN:2025] bao gồm:

1. Nâng cao năng lực tổ chức và sản xuất
2. Thúc đẩy cơ hội kinh tế, tiếp cận thị trường bình đẳng
3. Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và phân biệt đối xử
4. Điều kiện lao động sản xuất sạch và an toàn
5. Đảm bảo môi trường bền vững và phát thải thấp khí nhà kính trong sản xuất
6. Sản xuất sản phẩm an toàn và tự nhiên
7. Truy xuất nguồn gốc trong sản xuất và kinh doanh
8. Kinh doanh có trách nhiệm
9. Thực hành thương mại công bằng
10. Minh bạch trong chuỗi cung ứng

# PHẦN 1: YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI G.A.P

## 1. Tài nguyên và môi trường

Yêu cầu chung: Đảm bảo khu chăn nuôi được bố trí tại vị trí an toàn, không ô nhiễm; quản lý bền vững đất – nước; bảo vệ hệ sinh thái xung quanh và xử lý chất thải theo đúng quy định nhằm giảm thiểu rủi ro môi trường, mầm bệnh và đảm bảo sức khỏe vật nuôi – con người. Các thực hành phải ngăn ngừa

nhiễm chéo từ khu vực sản xuất thông thường, bảo vệ đa dạng sinh học và duy trì điều kiện tự nhiên ổn định phục vụ hoạt động chăn nuôi lâu dài.

Quản lý đất và vị trí khu chăn nuôi: Khu vực chăn nuôi phải sạch, không bị ô nhiễm từ chất thải, hóa chất độc hại, nguồn nước thải hay khu công nghiệp; có vùng đệm và biện pháp cách ly phù hợp với khu dân cư và các nguồn rủi ro; đánh giá lịch sử sử dụng đất để kiểm soát nguy cơ tồn lưu hóa chất, kim loại nặng; bảo vệ đồng cỏ và quản lý đất để tránh xói mòn và thoái hóa.

Quản lý và sử dụng nước: Nguồn nước sử dụng cho vật nuôi và vệ sinh phải sạch, không nhiễm hóa chất – vi sinh; có biện pháp kiểm soát mầm bệnh từ nguồn nước; khuyến khích sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng nước sau xử lý trong phạm vi cho phép.

Bảo vệ đa dạng sinh học: Hoạt động chăn nuôi không được ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên; không xâm lấn các khu bảo tồn, rừng phòng hộ hoặc khu vực nhạy cảm; khuyến khích duy trì cây xanh và hành lang sinh thái để giảm bụi, mùi và tiếng ồn.

Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường: Chất thải rắn, phân, nước thải phải được thu gom và xử lý đúng quy định; áp dụng hệ thống xử lý phù hợp như biogas, ủ vi sinh hoặc bể lắng – lọc; không xả thải trực tiếp ra môi trường; bao bì thuốc thú y và hóa chất phải được thu gom riêng; ghi chép – theo dõi lượng chất thải phát sinh và phương pháp xử lý.

## 2. Điều kiện trong sản xuất chăn nuôi an toàn

Yêu cầu chung: Đảm bảo môi trường chăn nuôi an toàn, vệ sinh và phù hợp với đặc tính sinh lý của từng loài vật nuôi; duy trì điều kiện sống tốt nhằm giảm stress, hạn chế dịch bệnh và nâng cao phúc lợi động vật. Chuồng trại, thiết bị, quy trình vận hành và điều kiện làm việc phải tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo an toàn sinh học chặt chẽ và bảo vệ sức khỏe người lao động.

Chuồng trại và điều kiện sống của vật nuôi: Chuồng trại phải được xây dựng theo quy định hiện hành, bố trí khoa học, thông thoáng, sạch sẽ và đảm bảo nhiệt độ – ánh sáng phù hợp. Vật nuôi cần có không gian vận động và được tiếp cận khu vực ngoài trời khi điều kiện cho phép. Khu chăn nuôi G.A.P phải được tách biệt với khu thông thường, có khu cách ly và sử dụng vật liệu an toàn cho vật nuôi.

Trang thiết bị và dụng cụ chăn nuôi: Máng ăn, máng uống và thiết bị chăn nuôi phải phù hợp từng loại vật nuôi, được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng và bảo dưỡng định kỳ. Dụng cụ trong khu G.A.P phải được quản lý riêng để tránh nhiễm chéo và đảm bảo hiệu quả vệ sinh.

An toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh: Khu chăn nuôi phải có hệ thống an toàn sinh học đầy đủ, bao gồm kiểm soát người – phương tiện ra vào, vệ sinh sát trùng định kỳ, chương trình tiêm phòng bắt buộc và biện pháp xử lý khi phát hiện dịch bệnh. Vật nuôi mới nhập và vật nuôi bệnh phải được cách ly và theo dõi theo quy định.

Điều kiện làm việc, vệ sinh và an toàn lao động: Người lao động phải được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, có hướng dẫn vận hành an toàn thiết bị – hóa chất sát trùng. Cơ sở phải bố trí nhà vệ sinh, khu rửa

tay hợp vệ sinh và trang bị dụng cụ sơ cứu nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình chăn nuôi.

## 3. Yêu cầu trong sản xuất chăn nuôi G.A.P

Yêu cầu chung: Đảm bảo đàn vật nuôi được hình thành từ nguồn giống khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng, phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương và được quản lý theo các nguyên tắc phúc lợi động vật. Việc nhập giống, chăm sóc giống và áp dụng các biện pháp can thiệp kỹ thuật phải được thực hiện đúng quy định, hạn chế tối đa rủi ro bệnh tật và đảm bảo truy xuất nguồn gốc đầy đủ.

Quản lý giống: Việc chọn giống phải phù hợp điều kiện địa phương, ưu tiên giống bản địa hoặc giống đã thích nghi, có khả năng kháng bệnh tốt. Giống nhập phải có hồ sơ rõ ràng, không mang mầm bệnh và tuân thủ giới hạn tuổi theo quy định. Việc nhập giống từ chăn nuôi thông thường không vượt quá tỷ lệ cho phép, trừ các trường hợp đặc biệt được chấp thuận. Vật nuôi mới phải được cách ly để theo dõi trước khi nhập đàn.

Sinh sản và can thiệp kỹ thuật: Được phép áp dụng thụ tinh nhân tạo trong phạm vi cho phép; nghiêm cấm nhân bản, chuyển phôi và sử dụng hoóc-môn sinh sản trừ khi điều trị cá thể theo giám sát thú y. Các biện pháp can thiệp như thiến, đánh dấu hay xử lý mỏ chỉ được thực hiện vì lý do phúc lợi động vật và tuân thủ đúng kỹ thuật.

Phúc lợi động vật: Mọi hoạt động liên quan đến xử lý giống, đánh dấu và chăm sóc phải đảm bảo giảm đau, giảm stress và bảo vệ sức khỏe vật nuôi. Các ngoại lệ can thiệp phải đúng loại vật nuôi và thực hiện theo quy trình chuyên môn.

## 4. Chuỗi phân phối và bán hàng

Yêu cầu chung: Đảm bảo sản phẩm VietFarm G.A.P được bảo toàn chất lượng và tính toàn vẹn trong toàn bộ chuỗi phân phối thông qua việc tách biệt sản phẩm, quản lý chặt chẽ trong vận chuyển – bảo quản – ghi nhãn, và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch. Tất cả các khâu lưu thông phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm, vệ sinh và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Tính toàn vẹn sản phẩm: Sản phẩm VietFarm G.A.P phải luôn được tách biệt với sản phẩm không G.A.P trong suốt quá trình thu gom, bảo quản, vận chuyển và bán hàng; bao bì, dụng cụ và phương tiện vận chuyển phải được dành riêng hoặc vệ sinh – khử trùng đầy đủ; khi vận chuyển chung phải có biện pháp ngăn cách vật lý và ghi chú rõ ràng.

Vận chuyển và bảo quản: Phương tiện vận chuyển phải sạch, không mang tác nhân gây bệnh và đáp ứng điều kiện bảo quản phù hợp cho từng loại sản phẩm; nhiệt độ phải được duy trì theo yêu cầu để hạn chế hư hỏng; việc bốc dỡ phải nhẹ nhàng để giảm tổn thất; toàn bộ thông tin vận chuyển phải được ghi chép đầy đủ.

Ghi nhãn và thông tin sản phẩm: Tất cả sản phẩm VietFarm G.A.P phải được ghi nhãn rõ ràng, đầy đủ theo quy định; nhãn thể hiện các thông tin bắt buộc gồm mã truy xuất, lô sản xuất và tổ chức chứng nhận; không được sử dụng hình ảnh hoặc từ ngữ gây hiểu nhầm về chất lượng hay phạm vi chứng nhận.

Truy xuất nguồn gốc: Hệ thống truy xuất phải cho phép theo dõi toàn bộ hành trình sản phẩm từ trang trại đến điểm bán lẻ, bao gồm giống, lịch sử chăn nuôi, thức ăn, thuốc thú y, tiêm phòng, ngày xuất chuồng, cơ sở giết mổ và thông tin lô hàng; hồ sơ phải được lưu trữ tối thiểu 12 tháng.

Yêu cầu đối với hệ thống bán hàng: Khu vực trưng bày sản phẩm VietFarm G.A.P phải tách biệt với sản phẩm thông thường; sản phẩm được bảo quản đúng điều kiện vệ sinh và nhiệt độ; cơ sở bán hàng phải lưu đầy đủ hồ sơ liên quan và bảo đảm truyền thông – quảng cáo trung thực, không gây hiểu nhầm về chứng nhận G.A.P.

## 5. Hệ thống quản lý chất lượng

Yêu cầu chung: Hệ thống quản lý chất lượng phải được thiết lập đầy đủ nhằm đảm bảo toàn bộ quá trình chăn nuôi được kiểm soát, truy xuất và đáp ứng các yêu cầu của VietFarm G.A.P. Mọi hoạt động chăn nuôi, sử dụng vật tư, kiểm soát dịch bệnh và vận chuyển – bảo quản phải được thực hiện theo quy trình chuẩn hóa, có ghi chép, có bằng chứng và được đánh giá – cải tiến định kỳ.

Quy trình chăn nuôi và quản lý sản xuất: Tổ chức phải xây dựng quy trình chi tiết cho từng loại vật nuôi, bao gồm nhập giống, nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý thú y, vệ sinh, xuất chuồng và giết mổ/sơ chế (nếu có); quy trình phải được phổ biến thống nhất đến người lao động và tuân thủ yêu cầu về vệ sinh, an toàn sinh học và an toàn thực phẩm.

Hệ thống ghi chép và lưu trữ hồ sơ: Phải ghi chép đầy đủ quá trình chăn nuôi gồm giống, thức ăn, thuốc thú y, tiêm phòng, tiêu thụ nước – năng lượng, ngày nhập – xuất chuồng, sản lượng; hồ sơ phải cho phép truy xuất đến từng lô vật nuôi và lưu giữ tối thiểu 24 tháng; khuyến khích áp dụng hệ thống ghi chép điện tử để tăng tính chính xác và minh bạch.

Kiểm soát chất lượng trong chuỗi cung ứng: Phải thiết lập các điểm kiểm soát quan trọng (CCPs) trong toàn bộ chu trình từ chăn nuôi đến vận chuyển – bảo quản; thực hiện kiểm tra định kỳ điều kiện vệ sinh, chất lượng nước, an toàn thức ăn, sức khỏe vật nuôi; phải có biện pháp xử lý sản phẩm không đạt, cơ chế tiếp nhận khiếu nại và phòng ngừa gian lận thương mại thông qua phân khu, tách biệt và ghi nhãn đúng quy định.

Đánh giá nội bộ và cải tiến liên tục: Phải thực hiện đánh giá nội bộ ít nhất mỗi 12 tháng để xác định mức độ tuân thủ tiêu chuẩn; các điểm không phù hợp phải được phân tích nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và theo dõi hoàn thành; hệ thống quản lý chất lượng phải được cải tiến liên tục dựa trên kết quả đánh giá, phản hồi khách hàng và yêu cầu pháp lý cập nhật.

# PHẦN 2: YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI G.A.P

## 1. Tài nguyên và môi trường

### 1.1 Quản lý đất và vị trí khu chăn nuôi

**SR 1.1.1** Khu vực chăn nuôi phải được lựa chọn tại vị trí không bị ô nhiễm bởi chất thải, hóa chất độc hại, nước thải sinh hoạt, khu công nghiệp, bãi rác, nghĩa trang và các nguồn ô nhiễm nguy cơ cao khác.

**SR 1.1.2** Không bố trí khu chăn nuôi tại khu vực có nguy cơ sạt lở, ngập úng kéo dài hoặc ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt.

**SR 1.1.3** Phải có vùng đệm hoặc biện pháp cách ly phù hợp giữa khu chăn nuôi với khu dân cư, khu chế biến thực phẩm, trường học, bệnh viện.

**SR 1.1.4** Phải đánh giá lịch sử sử dụng đất khu vực chăn nuôi để xác định nguy cơ tồn lưu hóa chất, kim loại nặng và mầm bệnh.

**SR 1.1.5** Phải thiết lập vùng đệm hoặc rào cản tự nhiên/vật lý giữa khu chăn nuôi G.A.P và khu sản xuất thông thường nhằm hạn chế ô nhiễm và nhiễm chéo.

**SR 1.1.6** Đối với khu vực đồng cỏ, bãi chăn thả phải đảm bảo không sử dụng hóa chất cấm trong thời gian tối thiểu theo quy định trước khi đưa vào sử dụng.

**SR 1.1.7** Phải có biện pháp quản lý đất nhằm ngăn ngừa xói mòn, thoái hóa đất và duy trì độ phì phục vụ chăn thả lâu dài.

### 1.2 Quản lý và sử dụng nước

**SR 1.2.1** Nguồn nước sử dụng cho vật nuôi, vệ sinh chuồng trại và sơ chế phải là nước sạch, không bị ô nhiễm hóa học và sinh học.

**SR 1.2.2** Phải có biện pháp kiểm soát nguồn nước đầu vào nhằm ngăn ngừa mầm bệnh xâm nhập vào khu chăn nuôi.

**SR 1.2.3** Khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, tái sử dụng nước sau xử lý trong phạm vi cho phép để giảm áp lực tài nguyên nước.

### 1.3 Bảo vệ đa dạng sinh học

**SR 1.3.1** Hoạt động chăn nuôi không được gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên xung quanh.

**SR 1.3.2** Không được xâm hại khu bảo tồn thiên nhiên, rừng phòng hộ, vùng sinh thái nhạy cảm để phục vụ mở rộng chăn nuôi.

**SR 1.3.3** Khuyến khích duy trì cây xanh, thảm thực vật và hành lang sinh thái quanh khu chăn nuôi nhằm giảm ô nhiễm mùi, bụi và tiếng ồn.

### 1.4 Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

**SR 1.4.1** Phân, nước thải và chất thải rắn phát sinh trong chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

**SR 1.4.2** Phải có hệ thống xử lý chất thải phù hợp với quy mô chăn nuôi như hầm biogas, ủ vi sinh, bể lắng – lọc hoặc hệ thống xử lý tương đương.

**SR 1.4.3** Không được xả trực tiếp chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**SR 1.4.4** Bao bì thuốc thú y, hóa chất sát trùng phải được thu gom riêng và xử lý đúng quy định, không được vứt bừa bãi hoặc đốt ngoài trời.

**SR 1.4.5** Phải ghi chép và theo dõi lượng chất thải phát sinh, hình thức xử lý để phục vụ quản lý và giám sát.

## 2. Điều kiện trong sản xuất chăn nuôi an toàn

### 2.1 Chuồng trại và điều kiện sống của vật nuôi

**SR 2.1.1** Chuồng trại phải đạt được các yêu cầu theo qui định của Luật Chăn Nuôi số 38/2018/QH14, cũng như theo các tiêu chuẩn khác của nhà nước. Đảm bảo trại chăn nuôi không bị lây bệnh từ bên ngoài cũng như trại không làm lây lan mầm bệnh từ vật nuôi sang con người hay lây lan cho các trang trại khác.

**SR 2.1.2** Diện tích chuồng và sân chơi cần áp dụng theo khuyến cáo của Tiêu Chuẩn Việt Nam về chuồng trại chăn nuôi hữu cơ, (tham chiếu  TCVN:11041-3:2017). Vật nuôi phải được tiếp cận với không gian ngoài trời và bãi chăn thả khi điều kiện thời tiết cho phép.

**SR 2.1.3** Khu vực chăn nuôi hữu cơ phải được ngăn cách rõ ràng với các khu vực chăn nuôi thông thường bằng hàng rào vật lý hoặc vùng đệm thích hợp, với khoảng cách tối thiểu 50m hoặc có các rào chắn tự nhiên như hàng rào cây xanh.

**SR 2.1.4** Chuồng nuôi cần phù hợp với từng loại vật nuôi, thoáng mát vào mùa hè và ấm áp vào mùa đông, để tạo điều kiện cho vật nuôi khoẻ mạnh, phát triển tốt. Sàn chuồng cao ráo, bền vững, không trơn trượt. Sàn chuồng cũng cần có nơi khô ráo, sạch sẽ cho vật nuôi nằm nghỉ.

**SR 2.1.5** Thiết kế chuồng trại phải tối ưu để tận dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên, giảm sử dụng năng lượng.

**SR 2.1.6** Vật liệu xây dựng chuồng trại không được chứa các hóa chất độc hại và phải an toàn cho vật nuôi.

**SR 2.1.7** Phải có khu vực cách ly riêng biệt để cách ly vật nuôi mới nhập về hoặc vật nuôi bị bệnh.

### 2.2 Trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi

**SR 2.2.1** Trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi phải phù hợp với từng loại vật nuôi và được làm sạch trước khi sử dụng.

**SR 2.2.2** Máng ăn, máng uống phải được bố trí hợp lý, hạn chế rơi vãi thức ăn, nước uống và được vệ sinh thường xuyên.

**SR 2.2.3** Trang thiết bị, dụng cụ phải được bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo an toàn, tránh gây thương tích cho vật nuôi và người lao động.

**SR 2.2.4** Dụng cụ sử dụng trong khu chăn nuôi G.A.P phải được quản lý, đánh dấu riêng, không dùng chung với khu vực chăn nuôi thông thường (nếu có).

### 2.3 An toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh

**SR 2.3.1** Phải thiết lập và thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn sinh học nhằm ngăn ngừa mầm bệnh xâm nhập vào khu chăn nuôi.

**SR 2.3.2** Phải kiểm soát người, phương tiện, vật tư ra vào khu chăn nuôi theo quy trình cụ thể.

**SR 2.3.3** Phải thực hiện vệ sinh, sát trùng định kỳ chuồng trại, thiết bị, phương tiện theo kế hoạch.

**SR 2.3.4** Phải có chương trình phòng bệnh, tiêm phòng đầy đủ cho đàn vật nuôi theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

**SR 2.3.5** Khi phát hiện vật nuôi mắc bệnh truyền nhiễm phải được cách ly, xử lý kịp thời theo quy định thú y.

### 2.4 Điều kiện làm việc, vệ sinh và an toàn lao động

**SR 2.4.1** Người lao động phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động phù hợp với công việc chăn nuôi.

**SR 2.4.2** Phải có hướng dẫn sử dụng an toàn thiết bị, máy móc, hóa chất sát trùng trong chăn nuôi.

**SR 2.4.3** Phải bố trí nhà vệ sinh, khu rửa tay hợp vệ sinh cho người lao động.

**SR 2.4.4** Phải trang bị dụng cụ sơ cứu và có hướng dẫn sơ cứu tại nơi chăn nuôi.

## 3. Yêu cầu trong sản xuất chăn nuôi G.A.P

### 3.1 Con giống

**SR 3.1.1** Việc lựa chọn giống phải phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương, có sức sống tốt, khả năng sinh trưởng ổn định và chống chịu bệnh tật; ưu tiên sử dụng giống bản địa hoặc giống đã được thuần hóa, thích nghi tốt với điều kiện khu vực.

**SR 3.1.2** Giống vật nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, không mang mầm bệnh truyền nhiễm và được phép lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành.

**SR 3.1.3** Trường hợp nhập giống từ hệ thống chăn nuôi thông thường, phải tuân thủ giới hạn độ tuổi như sau: bê bò thịt đến 8 tháng tuổi sau cai sữa; bê sữa đến 4 tuần tuổi đã được bú sữa đầu; lợn con đến 6 tuần tuổi; gia cầm từ 3 ngày đến 18 tuần tuổi.

**SR 3.1.4** Tỷ lệ vật nuôi nhập từ hệ thống chăn nuôi thông thường không vượt quá 10% tổng số vật nuôi trưởng thành cùng loài trong trang trại mỗi năm, trừ các trường hợp đặc biệt được cơ quan quản lý tiêu chuẩn chấp thuận như: mở rộng quy mô, tái đàn sau thiên tai, dịch bệnh hoặc thiết lập mô hình chăn nuôi mới.

**SR 3.1.5** Vật nuôi mới nhập về phải được nuôi cách ly tối thiểu từ 7–10 ngày để theo dõi tình trạng sức khỏe trước khi nhập đàn chính.

**SR 3.1.6** Được phép áp dụng biện pháp thụ tinh nhân tạo nhằm phục vụ cải thiện giống; nghiêm cấm việc chuyển phôi, nhân bản vô tính và sử dụng hoóc-môn sinh sản trừ trường hợp điều trị cá thể vì lý do y tế dưới sự giám sát của cán bộ thú y.

**SR 3.1.7** Nghiêm cấm việc cắt xén bất kỳ bộ phận nào của vật nuôi, trừ các trường hợp ngoại lệ vì lý do phúc lợi hoặc sức khỏe, được thực hiện theo quy định thú y, bao gồm:

- Bò thịt, bò sữa: được phép thiến bê dưới 12 tháng tuổi; đánh dấu nhận dạng nhưng không sử dụng phương pháp đánh dấu nóng.
- Lợn: được phép thiến lợn con; đánh dấu nhưng không được cắt tai; không được phép cắt đuôi và cắt răng.
- Gà mái đẻ trứng: được phép xử lý mỏ bằng phương pháp nhân đạo không gây đau đớn; không được phép cắt lông bay chính.

**SR 3.1.8** Mọi hoạt động liên quan đến xử lý giống, thiến, đánh dấu phải được thực hiện theo quy trình đảm bảo phúc lợi động vật và được ghi chép đầy đủ.

## 3.2 Thức ăn và dinh dưỡng

**SR 3.2.1** Thức ăn phải có nguồn gốc rõ ràng, an toàn, không chứa chất cấm theo quy định của Bộ NN&PTNT (hormone, kháng sinh kích thích sinh trưởng, chất tạo nạc…). Không được sử dụng thức ăn ôi thiu, ẩm mốc hoặc có dấu hiệu nhiễm độc tố.

**SR 3.2.2** Khu vực lưu trữ thức ăn phải khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, không bị chuột – côn trùng xâm hại và không đặt gần khu vực chứa hóa chất, thuốc BVTV hoặc chất độc hại.

**SR 3.2.3** Thức ăn cung cấp cho vật nuôi phải phù hợp với từng loài và từng giai đoạn sinh trưởng, tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan chuyên môn nhằm bảo đảm sức khỏe và tăng trọng bình thường.

**SR 3.2.4** Ưu tiên sử dụng thức ăn hoặc nguyên liệu thức ăn từ nguồn địa phương, phụ phẩm nông nghiệp đã qua xử lý an toàn; đối với động vật nhai lại phải bảo đảm khẩu phần thô xanh phù hợp.

**SR 3.2.5** Nghiêm cấm sử dụng các thành phần thức ăn sau:

- Sản phẩm giết mổ cùng loài hoặc phụ phẩm động vật trong thức ăn cho gia súc nhai lại.
- Phân, chất thải chăn nuôi chưa xử lý.
- Nguyên liệu được chiết xuất bằng dung môi hóa học.
- Thức ăn hoặc nguyên liệu có nguồn gốc biến đổi gen (GMO) không được phép.
- Urê và các hợp chất nitơ tổng hợp khác.
- Chất kích thích tăng trưởng, chất tạo cảm giác thèm ăn tổng hợp, chất tạo màu nhân tạo.

**SR 3.2.6** Con non phải được bú sữa mẹ hoặc sữa phù hợp với loài trong thời gian tối thiểu theo khuyến cáo kỹ thuật (ví dụ: bò ≥ 3 tháng tuổi; lợn ≥ 35 ngày tuổi) để bảo đảm miễn dịch và sự phát triển tự nhiên.

**SR 3.2.7** Khi nguồn thức ăn hữu cơ hoặc thức ăn phù hợp tại địa phương không đủ, có thể sử dụng thức ăn thông thường theo tỷ lệ tối đa phù hợp từng loài, với điều kiện không chứa chất cấm và không gây ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi.

**SR 3.2.8** Trang trại phải ghi chép đầy đủ nguồn gốc, lô thức ăn, số lượng, thời điểm sử dụng và khẩu phần theo từng giai đoạn để phục vụ truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

## 3.3 Nước

**SR 3.3.1** Nguồn nước dùng làm nước uống phải sạch sẽ, không mang mầm bệnh và không có chất độc hại đối với cơ thể vật nuôi.

**SR 3.3.2** Vật nuôi phải được uống thoải mái nước hàng ngày, nhất là trong những ngày nóng bức.

**SR 3.3.3** Nguồn nước rửa chuồng trại và tắm cho vật nuôi cũng phải sạch sẽ, không mang mầm bệnh và không có chất độc hại.

**SR 3.3.4** Phải có hệ thống tái sử dụng nước hợp lý trong chăn nuôi khi có thể, ưu tiên các phương pháp tự nhiên để xử lý nước thải.

## 3.4 Phòng bệnh, chữa bệnh thú y

**SR 3.4.1** Phải đảm bảo sức khỏe và phúc lợi vật nuôi thông qua các biện pháp phòng ngừa chủ động: lựa chọn giống phù hợp, phòng ngừa dịch bệnh, quản lý dinh dưỡng cân đối, mật độ nuôi hợp lý và duy trì vệ sinh chuồng trại.

**SR 3.4.2** Vật nuôi phải được tiêm vắc-xin đầy đủ và đúng lịch theo hướng dẫn của cơ quan thú y hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền.

**SR 3.4.3** Khu vực lối vào chuồng trại phải có hố sát trùng (vôi hoặc dung dịch sát khuẩn) để khử trùng giày dép, ủng của người ra vào khu vực chăn nuôi.

**SR 3.4.4** Khi vật nuôi bị bệnh, phải ưu tiên áp dụng các biện pháp điều trị tự nhiên như thuốc thảo dược, y học cổ truyền hoặc biện pháp đồng căn, trong trường hợp phù hợp.

**SR 3.4.5** Khi biện pháp tự nhiên không hiệu quả, có thể sử dụng thuốc thú y thông thường dưới sự giám sát của bác sĩ thú y. Vật nuôi bị bệnh phải được điều trị kịp thời, đầy đủ và được cách ly tại khu cách ly để dễ theo dõi và chữa trị. Thời gian ngừng thuốc phải được kéo dài gấp đôi so với thời gian được chỉ định trong nhãn thuốc. Nghiêm cấm sử dụng thuốc thú y để phòng bệnh hoặc kích thích tăng trưởng.

**SR 3.4.6** Vật nuôi sẽ mất trạng thái hữu cơ nếu số lần sử dụng thuốc thú y thông thường trong vòng đời vượt quá:

- Động vật có tuổi thọ dưới một năm: 1 lần
- Động vật có tuổi thọ trên một năm: 2 lần
- Gia cầm: 1 lần trong suốt vòng đời

**SR 3.4.7** Phải ghi chép đầy đủ thông tin về sức khỏe đàn vật nuôi, các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng, tình trạng điều trị và các loại thuốc đã sử dụng.

**SR 3.4.8** Chuồng trại phải được khử trùng định kỳ theo hướng dẫn của cơ quan khuyến nông hoặc cơ quan thú y.

## 3.5 Phúc lợi động vật

**SR 3.5.1** Vật nuôi phải được nuôi trong điều kiện đáp ứng nhu cầu tự nhiên của loài: đủ ánh sáng, thông thoáng, diện tích phù hợp và có khu vực nghỉ ngơi khô ráo, sạch sẽ.

**SR 3.5.2** Mật độ nuôi phải hợp lý để giảm stress, hạn chế tổn thương và cho phép vật nuôi thể hiện hành vi tự nhiên.

**SR 3.5.3** Vật nuôi phải được tiếp cận thức ăn và nước uống sạch, đầy đủ, phù hợp nhu cầu sinh lý của loài và từng giai đoạn sinh trưởng.

**SR 3.5.4** Mọi thao tác chăm sóc, vận chuyển hoặc xử lý vật nuôi phải được thực hiện nhẹ nhàng, không gây đau, không cưỡng bức.

**SR 3.5.5** Các thủ thuật can thiệp (như thiến, cắt sừng, cắt mỏ…) chỉ được thực hiện khi thật cần thiết vì lý do phúc lợi hoặc sức khỏe vật nuôi, phải do người có chuyên môn thực hiện và áp dụng biện pháp giảm đau. Các ngoại lệ tuân theo quy định chi tiết tại mục giống (SR 3.1.7).

**SR 3.5.6** Phải có khu cách ly riêng cho vật nuôi bị bệnh, bị thương hoặc yếu để theo dõi và điều trị, đảm bảo không ảnh hưởng đến đàn chính.

**SR 3.5.7** Khi vận chuyển, phải bảo đảm điều kiện phù hợp về mật độ, thời gian, nhiệt độ và thao tác bốc dỡ nhằm tránh stress và chấn thương cho vật nuôi.

**SR 3.5.8** Mọi trường hợp vật nuôi tử vong phải được ghi chép đầy đủ, xử lý đúng quy định và phân tích nguyên nhân nhằm ngăn ngừa tái diễn.

# 4. Chuỗi phân phối và bán hàng

## 4.1 Tính toàn vẹn sản phẩm trong chuỗi phân phối

**SR 4.1.1** Sản phẩm VietFarm G.A.P phải được tách biệt hoàn toàn với sản phẩm thông thường trong quá trình thu gom, bảo quản, vận chuyển và bán hàng để tránh lẫn lộn và nhiễm chéo.

**SR 4.1.2** Bao bì, dụng cụ chứa đựng và phương tiện vận chuyển phải dành riêng cho sản phẩm G.A.P hoặc được vệ sinh – khử trùng đầy đủ trước khi sử dụng.

**SR 4.1.3** Trong trường hợp vận chuyển chung với sản phẩm không G.A.P, phải có biện pháp ngăn cách vật lý phù hợp và ghi chú rõ ràng để đảm bảo tính toàn vẹn.

## 4.2 Vận chuyển và điều kiện bảo quản

**SR 4.2.1** Phương tiện vận chuyển phải sạch, không mang tác nhân gây bệnh, không nhiễm hóa chất và đảm bảo các điều kiện bảo quản phù hợp với từng loại sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa…).

**SR 4.2.2** Trong suốt quá trình vận chuyển, phải duy trì nhiệt độ và điều kiện bảo quản theo quy định nhằm hạn chế hư hỏng và đảm bảo an toàn thực phẩm.

**SR 4.2.3** Việc bốc dỡ, xếp hàng phải nhẹ nhàng, có biện pháp hạn chế dập vỡ, hư hỏng đối với trứng và các sản phẩm dễ tổn thương.

**SR 4.2.4** Hồ sơ vận chuyển phải ghi chép đầy đủ: thời gian, điểm đi – điểm đến, phương tiện, nhiệt độ bảo quản (nếu áp dụng), số lượng và loại sản phẩm.

## 4.3 Ghi nhãn và thông tin sản phẩm

**SR 4.3.1** Tất cả sản phẩm VietFarm G.A.P phải được ghi nhãn rõ ràng, đầy đủ và tuân thủ quy định hiện hành về ghi nhãn hàng hóa.

**SR 4.3.2** Nhãn phải thể hiện tối thiểu: tên sản phẩm, mã truy xuất nguồn gốc, tên cơ sở sản xuất, lô sản xuất, ngày sản xuất/thu hoạch/giết mổ, tên tổ chức chứng nhận.

**SR 4.3.3** Không được sử dụng từ ngữ, hình ảnh gây hiểu nhầm về chất lượng, tính năng hoặc phạm vi chứng nhận của sản phẩm.

### 4.4 Truy xuất nguồn gốc

**SR 4.4.1** Phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc xuyên suốt từ trang trại – cơ sở giết mổ – sơ chế – đóng gói – phân phối – bán lẻ.

**SR 4.4.2** Hệ thống truy xuất phải cho phép lần theo tối thiểu: giống vật nuôi, lịch sử chăn nuôi, thức ăn, thuốc thú y đã sử dụng, lịch tiêm phòng, ngày xuất chuồng, cơ sở giết mổ và lô thành phẩm.

**SR 4.4.3** Thời gian lưu hồ sơ truy xuất tối thiểu 12 tháng kể từ ngày sản phẩm được đưa ra thị trường.

### 4.5 Yêu cầu đối với hệ thống bán hàng

**SR 4.5.1** Khu vực trưng bày sản phẩm VietFarm G.A.P phải được tách biệt với sản phẩm thông thường, bảo đảm không lẫn lộn và không nhiễm chéo.

**SR 4.5.2** Sản phẩm phải được trưng bày trong điều kiện phù hợp về nhiệt độ, vệ sinh và quy trình bảo quản.

**SR 4.5.3** Cơ sở bán hàng phải lưu trữ đầy đủ hồ sơ mua bán, hóa đơn, lô hàng và các tài liệu chứng nhận liên quan để phục vụ kiểm tra truy xuất khi cần thiết.

**SR 4.5.4** Hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm phải trung thực, không sai lệch thông tin về chứng nhận VietFarm G.A.P.

## 5. Hệ thống quản lý chất lượng

### 5.1 Quy trình chăn nuôi và quản lý sản xuất

**SR 5.1.1** Phải xây dựng quy trình chăn nuôi chi tiết cho từng loại vật nuôi, bao gồm: nhập giống – nuôi dưỡng – chăm sóc – quản lý thú y – vệ sinh – xuất chuồng.

**SR 5.1.2** Quy trình phải được phổ biến đầy đủ và thống nhất đến toàn bộ người lao động, đảm bảo tất cả các công đoạn được thực hiện đúng và đồng nhất.

**SR 5.1.3** Phải có quy trình quản lý vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải, khử trùng và an toàn sinh học theo định kỳ.

**SR 5.1.4** Quy trình giết mổ, sơ chế (nếu có) phải tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và phúc lợi động vật.

### 5.2 Hệ thống ghi chép và lưu trữ hồ sơ

**SR 5.2.1** Phải ghi chép đầy đủ và kịp thời các thông tin liên quan đến quá trình chăn nuôi: giống, thức ăn, thuốc thú y, phòng trị bệnh, tiêu thụ nước – năng lượng, ngày nhập – ngày xuất chuồng, sản lượng.

**SR 5.2.2** Hồ sơ phải đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc đến từng lô vật nuôi và từng lô sản phẩm.

**SR 5.2.3** Hồ sơ và tài liệu phải được lưu trữ tối thiểu 24 tháng kể từ khi sản phẩm được xuất bán.

**SR 5.2.4** Khuyến khích áp dụng nhật ký điện tử hoặc hệ thống quản lý số để tăng độ chính xác và giảm rủi ro thất lạc hồ sơ.

## 5.3 Kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi cung ứng

**SR 5.3.1** Phải thiết lập các điểm kiểm soát quan trọng (CCPs) trong chăn nuôi: vệ sinh – dịch bệnh – thức ăn – nước uống – thuốc thú y – nhiệt độ chuồng – vận chuyển – giết mổ – bảo quản.

**SR 5.3.2** Thực hiện kiểm tra định kỳ các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng: điều kiện vệ sinh, chất lượng nước, an toàn thức ăn, tình trạng sức khỏe vật nuôi và điều kiện bảo quản sản phẩm.

**SR 5.3.3** Có biện pháp xử lý kịp thời đối với sản phẩm không đạt yêu cầu, bao gồm cách ly, loại bỏ hoặc thu hồi (nếu đã đưa ra thị trường).

**SR 5.3.4** Thiết lập cơ chế tiếp nhận, ghi nhận và giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan đến chất lượng sản phẩm.

**SR 5.3.5** Các biện pháp phòng ngừa gian lận thương mại phải được áp dụng: phân khu rõ ràng, tách biệt sản phẩm G.A.P với sản phẩm thường, niêm phong, dán nhãn theo quy định.

## 5.4 Đánh giá nội bộ và cải tiến liên tục

**SR 5.4.1** Tổ chức phải thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ ít nhất 12 tháng một lần nhằm kiểm tra mức độ tuân thủ các yêu cầu G.A.P.

**SR 5.4.2** Kết quả đánh giá nội bộ phải xác định rõ các điểm không phù hợp, phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

**SR 5.4.3** Việc khắc phục phải được theo dõi, lưu hồ sơ và đánh giá lại để đảm bảo hiệu quả.

**SR 5.4.4** Hệ thống quản lý chất lượng phải được cải tiến liên tục dựa trên kết quả đánh giá, phản hồi của khách hàng, điều kiện sản xuất và yêu cầu pháp lý mới.